



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ  
THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### **Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0104546308 ngày 22/03/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 30/10/2017.

Công ty đã thực hiện đăng ký và chính thức giao dịch cổ phiếu phổ thông trên sàn Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/08/2017 với mã chứng khoán là NBE.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam là 23.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 46%.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 024.35121931
- Fax: (84) 024.35121930
- Website: [www.stbmienbac.vn](http://www.stbmienbac.vn)

### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép bản ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng;
- Xây dựng nhà các loại ;
- Buôn bán đồ dung khác cho gia đình;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 78 người. Trong đó nhân viên quản lý là 16 người.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

**Hội đồng quản trị**

• Ông Phạm Văn Thắng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/12/2017
• Ông Hoàng Lê Bách	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20/01/2015 Miễn nhiệm ngày 19/05/2017
• Bà Đỗ Thị Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19/05/2017 Từ nhiệm ngày 28/12/2017
• Ông Đinh Quốc Khánh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/01/2015
• Ông Dương Đình Thọ	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/12/2017
• Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/12/2017
• Bà Lê Mai Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/12/2017
• Bà Nguyễn Thị Mơ	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/01/2015 Từ nhiệm ngày 26/09/2017
• Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/01/2015 Từ nhiệm ngày 19/12/2017
• Ông Trần Minh Quốc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/01/2017 Từ nhiệm ngày 26/09/2017

**Ban Kiểm soát**

• Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20/01/2015
• Bà Bùi Thị Thu Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/01/2015
• Bà Lê Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/01/2015

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

• Ông Dương Đình Thọ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2017
• Bà Nguyễn Thị Mơ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/01/2015 Nghỉ hưu ngày 01/10/2017
• Ông Nguyễn Trọng Nhã	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/11/2016
• Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/10/2017
• Bà Hoàng Thị Thanh Tâm	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 10/04/2010 Nghỉ hưu ngày 15/10/2017

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**

**Dương Đình Thọ**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

Số: 203/2018/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25/02/2018, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 7, khoản nợ phải thu 4.570.559.217 đồng không có chi tiết cụ thể theo tên đối tượng nợ; với hồ sơ kế toán hiện có kiểm toán viên cũng không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng cần thiết liên quan đến khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**



**Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1  
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2018

**Đinh Thị Ngọc Thùy – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2018-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>59.011.886.092</b>	<b>59.574.613.928</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.480.046.210</b>	<b>8.956.141.300</b>
1. Tiền	111	5	11.480.046.210	8.956.141.300
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>63.220.000</b>	<b>526.060.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6a	63.220.000	738.520.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6a	-	(212.460.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.572.898.211</b>	<b>26.317.068.336</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	20.750.852.114	27.163.802.373
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	174.737.192	131.777.970
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9a	171.248.017	167.411.174
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(523.939.112)	(1.145.923.181)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>25.420.184.426</b>	<b>22.613.608.238</b>
1. Hàng tồn kho	141		30.374.116.339	25.734.024.567
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.953.931.913)	(3.120.416.329)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.475.537.245</b>	<b>1.161.736.054</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	1.210.667.090	1.048.250.856
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		264.870.155	113.485.198
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>24.776.105.721</b>	<b>26.257.225.542</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.858.209.381</b>	<b>5.670.262.381</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9b	5.858.209.381	5.670.262.381
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>620.840.208</b>	<b>940.335.409</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	620.840.208	940.335.409
- Nguyên giá	222		4.009.819.503	3.920.427.869
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.388.979.295)	(2.980.092.460)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6b</b>	<b>5.153.230.908</b>	<b>5.391.700.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.212.500.000	5.391.700.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(59.269.092)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.143.825.224</b>	<b>14.254.927.752</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	13.143.825.224	14.254.927.752
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>83.787.991.813</b>	<b>85.831.839.470</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>22.459.436.889</b>	<b>26.266.207.245</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>22.459.436.889</b>	<b>26.266.207.245</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	14.713.410.517	22.232.653.883
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	3.471.169.528	3.350.700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	559.203.441	488.624.601
4. Phải trả người lao động	314		1.279.874.197	728.594.860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	475.710.849	454.747.738
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	720.227.165	726.417.885
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.239.841.192	1.631.817.578
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>61.328.554.924</b>	<b>59.565.632.225</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>61.328.554.924</b>	<b>59.565.632.225</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	2.225.601.519	1.827.782.537
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19	1.157.259.577	759.440.595
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	7.945.693.828	6.978.409.093
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	19	1.978.409.093	1.187.727.804
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19	5.967.284.735	5.790.681.289
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>83.787.991.813</b>	<b>85.831.839.470</b>

Tổng Giám đốc



Đương Đình Thọ

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hồng

Người lập biểu

Lê Mai Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC**Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, Đường Lê Văn Lương  
P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BT  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	353.569.554.404	342.951.990.402
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		353.569.554.404	342.951.990.402
4. Giá vốn hàng bán	11	21	312.045.291.557	300.390.645.094
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>41.524.262.847</b>	<b>42.561.345.308</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	400.016.270	184.903.417
7. Chi phí tài chính	22	23	231.946.051	76.665.205
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			8.246.959	-
8. Chi phí bán hàng	25	24a	18.588.878.480	18.536.493.251
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24b	12.809.492.091	14.380.708.269
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>10.293.962.495</b>	<b>9.752.382.000</b>
11. Thu nhập khác	31		357	116.129.455
12. Chi phí khác	32	25	57.552.304	21.575.898
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(57.551.947)</b>	<b>94.553.557</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>10.236.410.548</b>	<b>9.846.935.557</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	2.280.030.903	2.126.027.173
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>7.956.379.645</b>	<b>7.720.908.384</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.353	1.313
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	1.353	1.313

Tổng Giám đốc



Đương Đình Thọ

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hồng

Người lập biểu

Lê Mai Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.236.410.548	9.846.935.557
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	13	669.228.491	541.445.294
- Các khoản dự phòng	03		1.058.340.607	504.079.508
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(400.016.270)	(291.568.195)
- Chi phí lãi vay	06	23	8.246.959	-
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		11.572.210.335	10.600.892.164
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.026.822.237	(5.836.822.054)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.640.091.772)	(320.392.022)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể				
- lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.556.628.342)	7.934.439.822
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		688.344.638	(1.453.301.640)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		675.300.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.246.959)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(2.138.196.531)	(1.692.955.562)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.585.433.332)	(606.590.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>7.034.080.274</b>	<b>8.625.270.708</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13	(89.391.634)	(1.827.313.660)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	114.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	1.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.762.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		432.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		147.216.270	177.022.740
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>489.824.636</b>	<b>(4.298.245.465)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		3.980.669.630	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.980.669.630)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19e	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.000.000.000)</b>	<b>(5.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>2.523.904.910</b>	<b>(672.974.757)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	8.956.141.300	9.629.116.057
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>11.480.046.210</b>	<b>8.956.141.300</b>

Tổng Giám đốc



**Đương Đình Thọ**

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2018

Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thu Hồng**

Người lập biểu

**Lê Mai Anh**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### **1. Đặc điểm hoạt động**

#### **1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0104546308 ngày 22/03/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 30/10/2017.

Công ty đã thực hiện đăng ký và chính thức giao dịch cổ phiếu phổ thông trên sàn Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/08/2017 với mã chứng khoán là NBE.

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh sách và thiết bị giáo dục.**

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép bản ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế băng;
- Xây dựng nhà các loại ;
- Buôn bán đồ dung khác cho gia đình;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

#### **1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty là đơn vị độc lập duy nhất, không có Công ty con, Công ty liên kết hay chi nhánh nào.

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm .

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

##### **Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

##### **Dự phòng**

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

#### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với toàn bộ tài sản cố định hiện có. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5
Tài sản cố định khác	1,5

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Chi phí từ nhận chuyển nhượng văn phòng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian chuyển nhượng (50 năm);
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.7 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.8 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.9 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.11 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.12 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.15 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT:
  - ✓ Sách giáo khoa và sách bổ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Các mặt hàng khác áp dụng thuế suất theo qui định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **4.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

*Đơn vị tính: VND*

## **5. Tiền**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Tiền mặt	244.595.500	15.359.221
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.235.450.710	8.940.782.079
<b>Cộng</b>	<b><u>11.480.046.210</u></b>	<b><u>8.956.141.300</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6. Đầu tư tài chính**

**a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	63.220.000	94.720.000	-	738.520.000	562.680.000	212.460.000
+ Công ty CP Đầu tư tài chính Giáo dục	-	-	-	675.300.000	462.840.000	212.460.000
+ Công ty CP ĐT và PTGD Hà Nội	63.220.000	94.720.000	-	63.220.000	99.840.000	-
<b>Cộng</b>	<b>63.220.000</b>	<b>94.720.000</b>	<b>-</b>	<b>738.520.000</b>	<b>562.680.000</b>	<b>212.460.000</b>

Các chứng khoán kinh doanh trên đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Giá trị hợp lý của từng loại chứng khoán nắm giữ được xác định căn cứ vào số lượng từng loại và giá đóng cửa của từng loại cổ phiếu tại ngày 31/12 tại HNX. Dự phòng được trích lập cho các chứng khoán kinh doanh khi giá trị hợp lý của cổ phiếu thấp hơn giá ghi sổ kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC**

Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, Đường Lê Văn Lương  
P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

		31/12/2017			01/01/2017			
	Tình hình hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác			5.212.500.000	59.269.092	1.564.125.000	5.391.700.000	-	-
- Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội (EHP)	(i) Đang hoạt động	121.250	1.212.500.000	-	1.564.125.000	1.212.500.000	-	-
- Công ty CP Sách TBTH Sơn La	Đang hoạt động	-	-	-	-	179.200.000	-	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản và TBGD Việt Nam	(ii) Đang hoạt động	400.000	4.000.000.000	59.269.092	-	4.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>			<b>5.212.500.000</b>	<b>59.269.092</b>	<b>1.564.125.000</b>	<b>5.391.700.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

- (i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu EHP được xác định theo giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- (ii) Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư xuất bản và TBGD Việt Nam chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có nguồn dữ liệu nào đáng tin cậy về thị giá của chúng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán; Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC**

Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, Đường Lê Văn Lương  
P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Hà Giang	3.206.641.015	4.298.949.505
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Thanh Hóa	375.528.992	2.652.910.564
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Tuyên Quang	1.195.598.458	2.271.035.391
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	-	2.294.468.412
Công ty Cổ phần Sách-TBTH Sơn La	1.271.137.747	3.741.058.573
Các khoản phải thu khách hàng khác (*)	14.701.945.902	11.905.379.928
<b>Cộng</b>	<b><u>20.750.852.114</u></b>	<b><u>27.163.802.373</u></b>

(\*) Trong số dư các công nợ này bao gồm 4.570.559.217 đồng là số dư của các khách hàng lẻ tại hai cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu của Công ty.

**Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Hà Nội	121.594.106	1.113.632.703
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Tuyên Quang	1.195.598.458	2.271.035.391
Công ty Cổ phần Sách và TBTH Sơn La	1.271.137.747	3.741.058.573
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	-	2.294.468.412
Các đối tượng khác	877.550.463	2.658.985.564
<b>Cộng</b>	<b><u>3.465.880.774</u></b>	<b><u>12.079.180.643</u></b>

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Thái Á	32.411.075	-
Công ty TNHH MTV TM & DV Văn hóa Minh Long	36.661.750	-
Công ty Cổ phần In Phúc Yên	-	44.850.000
CT TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	32.921.610	24.138.970
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng HDD	-	30.000.000
Các đối tượng khác	72.742.757	32.789.000
<b>Cộng</b>	<b><u>174.737.192</u></b>	<b><u>131.777.970</u></b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 9. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	127.800.000	-	82.800.000	-
Phải thu khác	43.448.017	-	84.611.174	-
<b>Cộng</b>	<b>171.248.017</b>	<b>-</b>	<b>167.411.174</b>	<b>-</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000	-
Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Hà Nội (a)	5.708.209.381	-	5.520.262.381	-
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội (b)	100.000.000	-	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.858.209.381</b>	<b>-</b>	<b>5.670.262.381</b>	<b>-</b>

(a) Góp vốn với Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và một số công ty khác thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010. Ngày 01/07/2014, các bên thống nhất ký Phụ lục hợp đồng 01/2014/PLHĐGV, theo đó Công ty nhận chuyển nhượng lại một phần vốn góp của Nhà xuất bản Giáo dục vào dự án này, nâng tỷ lệ đầu tư lên 37,5%. Hiện nay dự án đang triển khai thực hiện.

(b) Góp vốn với Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm xuất bản phát hành sách giáo khoa theo Hợp đồng góp vốn số 1F/2010/HĐGV ngày 08/07/2010. Tổng số vốn dự kiến góp là 220.000.000.000 đồng. Cho đến thời điểm hiện nay, dự án vẫn chưa được triển khai.

### 10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2017	01/01/2017
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	523.939.112	1.145.923.181
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	161.519.862	1.143.958.894
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	362.419.250	1.964.288
<b>Cộng</b>	<b>523.939.112</b>	<b>1.145.923.181</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	29.343.360	-
Nguyên liệu, vật liệu	9.907.606.659	-	4.644.314.322	-
Công cụ, dụng cụ	260.888.620	-	224.590.959	-
Chi phí SX, KD dở dang	365.698.001	-	433.778.712	-
Thành phẩm	4.982.278.662	1.009.568.006	5.753.766.864	2.260.811.228
Hàng hóa	14.857.644.397	3.944.363.907	14.648.230.350	859.605.101
<b>Cộng</b>	<b>30.374.116.339</b>	<b>4.953.931.913</b>	<b>25.734.024.567</b>	<b>3.120.416.329</b>

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2017.
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2017 là 4.658.827.196 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng này.

**12. Chi phí trả trước****a. Ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	1.173.287.090	672.864.856
Chi phí tổ chức bán thảo	37.380.000	375.386.000
<b>Cộng</b>	<b>1.210.667.090</b>	<b>1.048.250.856</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí sửa chữa cửa hàng	-	24.280.750
Công cụ, dụng cụ	-	271.543.758
Chi phí hoàn thiện văn phòng công ty (làm vách ngăn, ốp trần...)	647.425.757	1.202.362.121
Chi phí nhận chuyển nhượng văn phòng (*)	12.496.399.467	12.756.741.123
<b>Cộng</b>	<b>13.143.825.224</b>	<b>14.254.927.752</b>

(\*) Theo hợp đồng chuyển nhượng văn phòng số 207C1/HĐCNVP/HANDICO6, Công ty nhận chuyển nhượng 393,77 m<sup>2</sup> tại tầng 12A của Tòa nhà Diamond Flower trong thời hạn 50 năm để làm văn phòng. Thời điểm bàn giao tòa nhà: cuối tháng 11/2015. Hiện tại, Công ty chưa có quyền sở hữu văn phòng làm tài sản riêng của mình (theo Hợp đồng, nếu có sự thay đổi về Pháp luật cho phép thì Công ty phải trả thêm một khoản chi phí 2.100.000 đồng/m<sup>2</sup> và Công ty sẽ có quyền sở hữu văn phòng làm tài sản riêng của mình). Theo đó, Công ty thực hiện phân bổ chi phí chuyển nhượng này vào chi phí trong thời gian là 50 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	3.292.978.465	343.287.882	284.161.522	3.920.427.869
Tăng trong năm			89.391.634	89.391.634
Giảm trong năm				-
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.292.978.465</b>	<b>343.287.882</b>	<b>373.553.156</b>	<b>4.009.819.503</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	2.400.521.176	316.168.417	263.402.867	2.980.092.460
Khấu hao trong năm	364.882.922	23.245.258	20.758.655	408.886.835
Giảm trong năm				-
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.765.404.098</b>	<b>339.413.675</b>	<b>284.161.522</b>	<b>3.388.979.295</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	892.457.289	27.119.465	20.758.655	940.335.409
<b>Số cuối năm</b>	<b>527.574.367</b>	<b>3.874.207</b>	<b>89.391.634</b>	<b>620.840.208</b>

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 2.830.411.254 đồng.
- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình chờ thanh lý là 1.092.833.000 đồng.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	8.084.556.431	16.250.004.840
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.548.359.437	-
Các đối tượng khác	5.080.494.649	5.982.649.043
<b>Cộng</b>	<b>14.713.410.517</b>	<b>22.232.653.883</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2017	01/01/2017
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	8.084.556.431	16.250.004.840
Các đối tượng khác	1.556.212.087	3.602.999.264
<b>Cộng</b>	<b>9.640.768.518</b>	<b>19.853.004.104</b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Các Trường học mua thiết bị của dự án tại Sơn La	3.440.881.000	-
Các đối tượng khác	30.288.528	3.350.700
<b>Cộng</b>	<b>3.471.169.528</b>	<b>3.350.700</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	410.123.309	2.280.030.903	2.138.196.531	551.957.681
Thuế thu nhập cá nhân	78.501.292	552.439.594	623.695.126	7.245.760
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>488.624.601</b>	<b>2.837.470.497</b>	<b>2.766.891.657</b>	<b>559.203.441</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí hội nghị	-	230.800.000
Phí tổ chức bán thảo	473.086.529	221.323.418
Các khoản trích trước khác	2.624.320	2.624.320
<b>Cộng</b>	<b>475.710.849</b>	<b>454.747.738</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. Phải trả khác ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	72.437.598	68.986.758
Phải trả về hoa hồng môi giới	525.424.780	331.388.130
Phải trả khác	122.364.787	326.042.997
<b>Cộng</b>	<b>720.227.165</b>	<b>726.417.885</b>

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	50.000.000.000	1.441.737.118	373.395.176	6.187.727.804
Tăng trong năm	-	386.045.419	386.045.419	7.720.908.384
Giảm trong năm	-	-	-	6.930.227.095
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>1.827.782.537</b>	<b>759.440.595</b>	<b>6.978.409.093</b>
Số dư tại 01/01/2017	50.000.000.000	1.827.782.537	759.440.595	6.978.409.093
Tăng trong năm	-	397.818.982	397.818.982	7.956.379.645
Giảm trong năm	-	-	-	6.989.094.910
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>2.225.601.519</b>	<b>1.157.259.577</b>	<b>7.945.693.828</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.000.000.000	23.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	26.930.000.000	24.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	70.000.000	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	6.978.409.093	6.187.727.804
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	7.956.379.645	7.720.908.384
Phân phối lợi nhuận	6.989.094.910	6.930.227.095
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Chia lãi cho các cổ đông	5.000.000.000	5.000.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (**)	1.989.094.910	1.930.227.095
+ Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành (15%)	1.193.456.946	1.158.136.257
+ Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	397.818.982	386.045.419
+ Quỹ bổ sung vốn điều lệ (5%)	397.818.982	386.045.419
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>7.945.693.828</b>	<b>6.978.409.093</b>

(\*) Lợi nhuận năm 2016 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 19/05/2017.

(\*\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/05/2017.

**e. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 19/05/2017 đã thông qua phương án trả cổ tức 2016 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% vốn điều lệ. Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC**

Tầng 12A, Tòa nhà Diamond Flower, Đường Lê Văn Lương

P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán sách giáo khoa	281.403.757.663	279.424.830.581
Doanh thu bán sách tham khảo	68.954.008.602	60.072.905.614
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	2.779.659.399	2.668.231.246
Doanh thu khác	432.128.740	786.022.961
<b>Cộng</b>	<b>353.569.554.404</b>	<b>342.951.990.402</b>

**21. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn bán sách giáo khoa	264.619.497.805	262.548.643.570
Giá vốn bán sách tham khảo	46.880.368.765	35.609.847.121
Giá vốn bán thiết bị giáo dục	1.968.848.842	1.956.131.348
Giá vốn khác	410.091.729	510.423.853
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.833.515.584)	(234.400.798)
<b>Cộng</b>	<b>312.045.291.557</b>	<b>300.390.645.094</b>

**22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.286.270	40.342.740
Lãi từ bán cổ phần	252.800.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	128.930.000	136.680.000
Chiết khấu thanh toán	-	7.880.677
<b>Cộng</b>	<b>400.016.270</b>	<b>184.903.417</b>

**23. Chi phí tài chính**

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi vay	8.246.959	-
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng đầu tư ngắn hạn	(212.460.000)	48.720.000
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	376.890.000	-
Chiết khấu thanh toán	-	27.945.205
Dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	59.269.092	-
<b>Cộng</b>	<b>231.946.051</b>	<b>76.665.205</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí hoa hồng, hội nghị	656.657.580	1.075.657.850
Tiền lương nhân viên bán hàng	7.506.443.226	6.790.971.193
Chi phí thuê kho	1.565.124.909	1.461.305.243
Chi phí vận chuyển	4.268.372.597	4.471.478.503
Các khoản khác	4.592.280.168	4.737.080.462
<b>Cộng</b>	<b>18.588.878.480</b>	<b>18.536.493.251</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương	4.828.597.340	4.534.068.845
Chi phí công tác	545.060.815	656.681.263
Chi phí thuê kho	195.256.242	148.214.839
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng phải thu	(621.984.069)	689.760.306
Chi phí dụng cụ văn phòng	1.292.242.500	1.010.317.318
Các khoản khác	6.570.319.263	7.341.665.698
<b>Cộng</b>	<b>12.809.492.091</b>	<b>14.380.708.269</b>

### 25. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Phạt vi phạm hành chính thuế	57.552.304	21.575.898
<b>Cộng</b>	<b>57.552.304</b>	<b>21.575.898</b>

### 26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.236.410.548	9.846.935.557
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	523.377.858	556.152.346
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	652.307.858	692.832.346
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)	128.930.000	136.680.000
Tổng thu nhập chịu thuế	10.759.788.406	10.403.087.903
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.280.030.903</b>	<b>2.126.027.173</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.151.957.681	2.080.617.580
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	128.073.222	45.409.593

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.956.379.645	7.720.908.384
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(1.193.456.946)	(1.158.136.257)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi)	1.193.456.946	1.158.136.257
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.762.922.699	6.562.772.127
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.353</b>	<b>1.313</b>

**28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.253.223.683	9.882.816.612
Chi phí nhân công	12.809.709.288	11.818.684.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	408.886.835	281.113.193
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.329.045.114	29.051.674.887
Chi phí khác bằng tiền	7.678.136.824	8.025.291.137
<b>Cộng</b>	<b>65.479.001.744</b>	<b>59.059.580.454</b>

**29. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

**30. Quản lý rủi ro****a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **a. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

#### *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu*

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, hơn nữa đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

#### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với những khách hàng trên.

### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>31/12/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	14.713.410.517	-	14.713.410.517
Chi phí phải trả	475.710.849	-	475.710.849
Phải trả khác	647.789.567	-	647.789.567
<b>Cộng</b>	<b>15.836.910.933</b>	<b>-</b>	<b>15.836.910.933</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	22.232.653.883	-	22.232.653.883
Chi phí phải trả	454.747.738	-	454.747.738
Phải trả khác	657.431.127	-	657.431.127
<b>Cộng</b>	<b>23.344.832.748</b>	<b>-</b>	<b>23.344.832.748</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>31/12/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.480.046.210	-	11.480.046.210
Đầu tư tài chính	63.220.000	5.153.230.908	5.216.450.908
Phải thu khách hàng	20.226.913.002	-	20.226.913.002
Phải thu khác	43.448.017	5.858.209.381	5.901.657.398
<b>Cộng</b>	<b>31.813.627.229</b>	<b>11.011.440.289</b>	<b>42.825.067.518</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.956.141.300	-	8.956.141.300
Đầu tư tài chính	526.060.000	5.391.700.000	5.917.760.000
Phải thu khách hàng	26.017.879.192	-	26.017.879.192
Phải thu khác	84.611.174	5.670.262.381	5.754.873.555
<b>Cộng</b>	<b>35.584.691.666</b>	<b>11.061.962.381</b>	<b>46.646.654.047</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. Thông tin về các bên liên quan**

**a. Các bên liên quan**

	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP PHS- TBTH Hưng Yên	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP đầu tư và xuất bản Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu long	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBGD Nam Định	Chung Công ty đầu tư

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm**

	<b>Giao dịch</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Mua sách	265.604.742.790	256.587.633.675
Công ty CP Sách và TBGD miền Nam	Mua sách	1.377.813.327	924.971.240
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Chi phí tổ chức bàn thảo	2.644.222.487	4.069.698.839
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Bán sách	1.782.008.800	32.195.760
Công ty CP Sách và TBTH Hà Tĩnh	Bán sách	14.745.907.924	11.700.597.824
Công ty CP Sách và TBTH Tuyên Quang	Bán sách	9.645.598.457	8.243.553.280
Công ty CP PHS- TBTH Hưng Yên	Bán sách	13.185.588.273	11.240.087.736
Công ty CP Sách - TB giáo dục Nam Định	Bán sách	13.936.344.444	12.941.489.724
Công ty CP Sách và TBTH Nghệ An	Bán sách	10.768.319.672	10.421.064.828
Công ty CP Sách và TBTH Sơn La	Bán sách	7.376.314.801	9.354.029.713
Công ty CP Sách và TBGD miền Nam	Bán sách	198.488.562	630.350.446
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán sách	402.421.950	-

**c. Lương, thưởng, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
Lương Ban Tổng Giám đốc	1.302.932.484	854.116.788
Thù lao, thưởng Hội đồng quản trị	237.555.555	333.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**33. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC.



**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Thu Hồng**

**Người lập biểu**

**Lê Mai Anh**